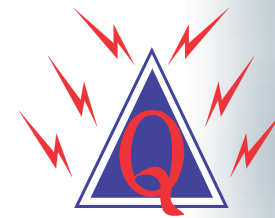




Năm phát hành: 2024



**CÔNG TY TNHH TM-SX-DV
HÒA THỊNH**



King Kong



“Chất lượng hôm nay - Thị trường ngày mai”

<https://kimquang.vn>

Hotline: 0931 455 668

Sales: 0909 635 266 - 0938 118 428



CÔNG TY TNHH TM - SX - DV HÒA THỊNH

GIỚI THIỆU CHUNG

- 首先讓我們衷心多謝各位客戶一直以來擁護和信任和盛 塑膠 產品。
- 和盛 塑膠廠成立於1986年,專生產各類室內裝置的保護電路設備系統,電線路安全所有配件,包括排電線硬管,軟管,藏牆盒,(膠盒-鉄盒)各類名貴,路廊燈飾,樓梯燈飾,線路安全,美觀,實用。
- 本廠引進世界名廠塑膠料如PVC, PS, HI, ABS, AS, PE, PC, PBT, PP...
- 本著顧客滿意,卓越創造的宗旨,持續高效提升技術,質量與服務的競爭力,所以我們引進了外國先進的技術和設備以新工藝來製造各種不同的產品,確保向客戶提供百份百優質產品,顧客至上為主,以質量方針不斷開擴國內市場。
- 我們的品質政策:『品質優良,卓越創造,顧客滿意,我們榮耀。』

Khởi đầu từ cơ sở Hòa Thịnh nhỏ, sau 35 năm hoạt động vào tháng 6 năm 1986 đã phát triển và thành lập nên Công ty TNHH TM-SX-DV Hòa Thịnh có tiếng, với đầy đủ chức năng và bộ phận thiết kế chuyên nghiệp. Đến nay công ty chúng tôi đã được thị trường công nhận là một trong những công ty sản xuất mặt hàng nhựa dùng trong ngành điện công nghiệp và dân dụng hàng đầu Việt Nam.

Sau hơn 35 năm xây dựng và phát triển cùng ngành nhựa trong nước, Công ty Hòa Thịnh đã không ngừng cải tiến kỹ thuật, khuôn mẫu, đầu tư máy móc, kho xưởng, cùng với đội ngũ quản lý sản xuất kỹ thuật chuyên nghiệp, chúng tôi đã cho ra đời những sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hợp lý để đáp ứng từng nhu cầu khác nhau của khách hàng.

Nhằm mục đích phục vụ khách hàng hoàn hảo nhất, Công ty đã xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, đó là minh chứng cho độ tin cậy chất lượng và sự hài lòng của người tiêu dùng đối với sản phẩm của công ty Hòa Thịnh.

Với phương châm chữ tín đi đầu, khi đến với công ty Hòa Thịnh, Quý khách sẽ được phục vụ bởi một đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, nhiệt tình, sáng tạo trong công việc, luôn nỗ lực mang đến sự hài lòng cho khách hàng bằng những sản phẩm: “**Chất lượng hoàn hảo - Giá thành cạnh tranh**”.

Để công ty phát triển ngày càng tốt hơn cùng thị trường nhựa trong nước chúng tôi không ngừng thay đổi, tiếp cận thị trường, sẵn sàng lắng nghe, tiếp nhận những ý kiến đóng góp của Quý Khách.

Hoài bảo của chúng tôi là đưa công ty Hòa Thịnh trở thành nhà sản xuất sản phẩm nhựa, chế tác khuôn nằm trong Top đầu Việt Nam.

“Rất mong nhận được sự quan tâm và đơn đặt hàng của Quý Khách!”

Mục lục

Trang	Trang
Giới thiệu chung	01
Mục lục	02
Ống cứng	03
Ống gen (ruột gà).....	04
Nẹp vuông nổi	05
Nẹp công nghiệp (nẹp lỗ).....	08
Nẹp sàn (bán nguyệt) pvc	13
Nẹp chỉ	15
Hộp nối dây	16
773 công nghiệp.....	18
Đèn trang trí	19
Tủ điện pat sắt	20
Tủ điện pat nhựa	24
Hộp điện kế/ Hộp nguồn công nghiệp	26
Hộp kỹ thuật	28
Đế CB	29
Đế âm	34
Đế nổi	37
Đế sắt	39
Đế 12 con giáp và hộp trái tim	40
Phụ kiện khác	41
Táp lô dân dụng	46
Phụ kiện ống	47
Ổ và phích công nghiệp	54
Tủ công nghiệp (sắt vàng)	61
Dây rút/ Lò xo/ Dây mối	63
Ốc siết cáp nhựa.....	65
Băng keo.....	66
Đầu cắt băng keo/ CB/ Thanh ray nhôm.....	67
Dây ràng	68
Bút thử điện	69
Giấy kiểm định chất lượng	70
Huy chương	74



King Kong



ỐNG CỨNG

TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐỘ DÀY (mm)	ĐÓNG GÓI (cây/bó)
Ống Ø 16	LH 8016	1,3	50
Ống Ø 20	LH 8020	1,9	50
Ống Ø 25	LH 8025	2,0	25
Ống Ø 32	LH 8032	2,2	25
Ống Ø 16 DB	LH 8016S	1,3	50
Ống Ø 20 DB	LH 8020S	1,9	50
Ống Ø 25 DB	LH 8025S	2,0	25
Ống Ø 32 DB	LH 8032S	2,2	25
Ống Ø 40 DB	LH 8040S	2,6	20
Chức năng: dùng để bảo vệ hệ thống điện, khi đổ bê tông sàn hoặc âm trần la phong.			



King Kong

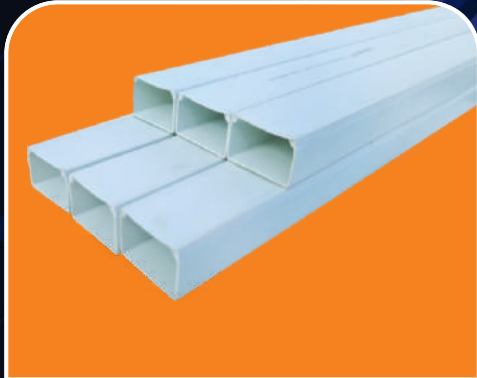


ỐNG GEN (Ruột Gà)

TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐÓNG GÓI (mét/cuộn)
Ống gen Ø 16 DB	HT 9016S	50
Ống gen Ø 20 DB	HT 9020S	50
Ống gen Ø 25 DB	HT 9025S	50
Ống gen Ø 32 DB	HT 9032S	25
Ống gen Ø 16 L1	HT 9016	50
Ống gen Ø 20 L1	HT 9020	50
Ống gen Ø 25 L1	HT 9025	50
Ống gen Ø 32 L1	HT 9032	25
Ống gen Ø 16 L2	HT 9016/2	50
Ống gen Ø 20 L2	HT 9020/2	50
Ống gen Ø 25 L2	HT 9025/2	50
Ống gen Ø 32 L2	HT 9032/2	25
Ruột gà thoát nước Ø 20 	HTT01	50
Chức năng: dùng để luồn dây điện ở nơi gấp khúc, uốn lò xo. Dùng để thoát nước máy lạnh, máy điều hòa.		



King Kong



NẸP VUÔNG NỔI

Chức năng: dùng để bảo vệ hệ thống điện, đi nổi ngoài công trình, không cần phải đục khoét tường.

TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐỘ DÀY (mm)	KÍCH THƯỚC (mm)	ĐÓNG GÓI (cây/bó)
Nẹp 1.3F 1m9		0,8	13 x 10	200
Nẹp 1.5F 1m7	NV 1/7	0,8	15 x 10	100
Nẹp 1.5F 1m8	NV 1/8	0,8	15 x 10	100
Nẹp 1.5F 1m9	NV 1/9	0,8	15 x 10	100
Nẹp 1.7F 1m7		0,9	17 x 10	100
Nẹp 2F 1m7 (L1)	NV 2/7	1,0	20 x 10	100
Nẹp 2F 1m8 (L1)	NV 2/8	1,0	20 x 10	100
Nẹp 2F 1m9 (L1)	NV 2/9	1,0	20 x 10	100
Nẹp 2F 1m7 (L2)	NVT 2/7	1,0	20 x 10	100
Nẹp 2F 1m8 (L2)	NVT 2/8	1,0	20 x 10	100
Nẹp 2F 1m9 (L2)	NVT 2/9	1,0	20 x 10	100
Nẹp 2.3F 1m7		1,2	23 x 10	50
Nẹp 2.5F 1m7	NV 2.5/7	1,2	25 x 15	50
Nẹp 2.5F 1m8	NV 2.5/8	1,2	25 x 15	50

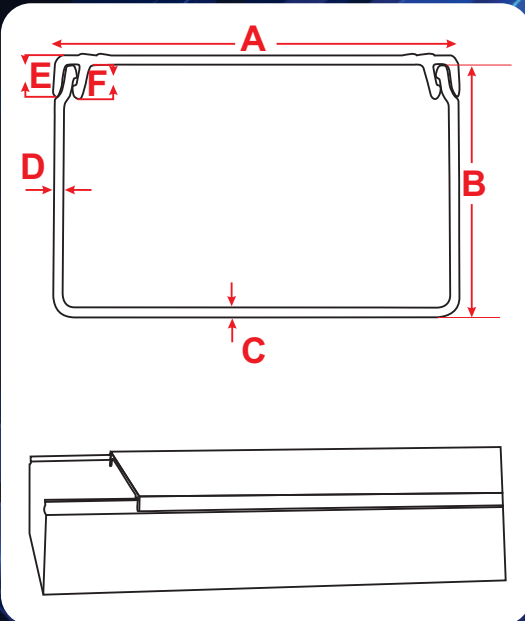


King Kong



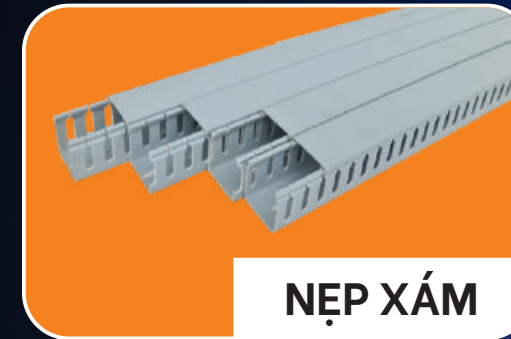
TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐỘ DÀY (mm)	KÍCH THƯỚC (mm)	ĐÓNG GÓI (cây/bó)
Nẹp 2.5F 1m9	NV 2.5/9	1,2	25 x 15	50
Nẹp 3F 1m7	NV 3/7	1,1	30 x 18	50
Nẹp 3F 1m8	NV 3/8	1,1	30 x 18	50
Nẹp 3F 1m9	NV 3/9	1,1	30 x 18	50
Nẹp 4F 1m7	NV 4/7	1,2	40 x 20	25
Nẹp 4F 1m8	NV 4/8	1,5	40 x 20	25
Nẹp 4F 1m9	NV 4/9	1,5	40 x 20	25
Nẹp 5F 1m8	NV 5/8	1,5	50 x 35	20
Nẹp 5F 1m9	NV 5/9	1,5	50 x 35	20
Nẹp 6F 1m8	NV 6/8	1,6	60 x 40	10
Nẹp 6F 1m9	NV 6/9	1,6	60 x 40	10
Nẹp 8F 2m (40)	NV 084	1,7	80 x 40	10
Nẹp 8F 2m (60)	NV 086	1,7	80 x 60	10
Nẹp 10F 2m (40)	NV 014	1,8	100 x 40	10
Nẹp 10F 2m (60)	NV 016	2,1	100 x 60	10

THÔNG SỐ NẠP VUÔNG



Kích thước Nạp vuông (mm)	A	B	C	D	E	F
1.5F	15.2	8.7	0.6	0.6	3.2	3
1.7F	16.8	7.0	0.7	0.8	2.5	2.9
2F (L1)	20.0	9.8	0.8	0.8	3.1	3.6
2F (L2)	20.0	9.3	0.8	0.6	3	3.5
2.5F	24.5	12.1	1.0	0.9	3.1	3.6
3F	30.0	16.0	0.9	0.9	3.5	3.7
4F	40.0	20.0	1.0	1.0	4.2	4.7
5F	50.5	31.1	1.3	1.3	4.7	5.1
6F	60.5	39.3	1.4	1.5	4.9	5.3
8F 2m40	80.0	33.3	1.5	1.3	6.8	7.3
8F 2m60	80.6	56.0	1.5	1.4	8.0	8.4
10F 2m40	100.5	36.8	1.6	1.3	7.7	8.3
10F 2m60	100.0	55.2	1.9	1.8	7.1	8.0

NẠP CÔNG NGHIỆP (NẠP LỖ)



TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐỘ DÀY (NẮP- ĐẾ)	KÍCH THƯỚC	ĐÓNG GÓI (cây/thùng)
Nạp lỗ 25 x 25	ET 022	1,7 - 2	2.5F 1m7	45
Nạp lỗ 25 x 45	ET 024	1,5 - 1,9	2.5F 1m7	30
Nạp lỗ 35 x 35	ET 033	1,9 - 2,1	3.5F 1m7	30
Nạp lỗ 35 x 45	ET 034	1,8 - 2,5	3.5F 1m7	20
Nạp lỗ 45 x 45	ET 044	1,6 - 2,6	4.5F 1m7	20
Nạp lỗ 45 x 65	ET 046	1,7 - 2	4.5F 1m7	20
Nạp lỗ 65 x 65	ET 066	1,3 - 2	6.5F 1m7	12
Nạp lỗ 85 x 85	ET 088	2,7 - 2,2	8.5F 1m7	12
Nạp lỗ 105 x 105	ET 105	2,5 - 2,8	10.5F 1m7	6
Nạp lỗ 125 x 125	ET 125	2,3 - 3,2	12.5F 1m7	6



King Kong



TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐỘ DÀY (NẮP- ĐẾ)	KÍCH THƯỚC	ĐÓNG GÓI (cây/thùng)
Nẹp lỗ 25 x 45T 2m	ET 024K	1,5 - 1,9	2.5F 2m	30
Nẹp lỗ 35 x 35T 2m	ET 033K	1,9 - 2,1	3.5F 2m	30
Nẹp lỗ 35 x 45T 2m	ET 034K	1,8 - 2,5	3.5F 2m	20
Nẹp lỗ 45 x 45T 2m	ET 044K	1,6 - 2,7	4.5F 2m	20
Nẹp lỗ 45 x 65T 2m	ET 046K	1,7 - 2	4.5F 2m	20
Nẹp lỗ 60 x 60 2m (trắng + xám)	ET 060K	1,6 - 2,2	6F 2m	12
Nẹp lỗ 65 x 65T 2m	ET 066K	1,4 - 1,8	6.5F 2m	12
Nẹp lỗ 85 x 85T 2m	ET 088K	2,5 - 2,2	8.5F 2m	12

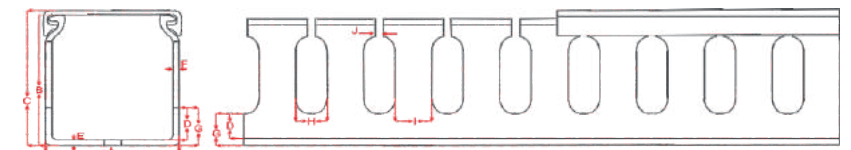
Chức năng: Dùng để đi dây điện trong hệ thống điện công nghiệp: tủ điện, tàu thuyền...



King Kong



THÔNG SỐ NẠP CÔNG NGHIỆP NẠP LỖ



Chiều dài: 1700 mm

Kích thước (mm) Nẹp lỗ	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J
25x25	25.0	22.0	25.0	6.5	1.5	1.5	8.0	7.0	10.0	1.5
25x45	25.0	42.0	45.0	8.1	1.9	2.0	10.0	8.4	10.0	1.8
35x35	35.0	30.5	34.0	7.5	2.0	1.6	9.5	8.4	10.0	1.5
35x45	35.0	41.0	42.5	7.8	1.8	1.6	9.6	8.0	10.0	2.0
45x45	45.0	41.0	45.0	7.8	2.2	2.0	10.0	8.0	10.0	2.0
45x65	45.0	60.0	64.0	11.9	2.1	1.9	14.0	8.1	10.0	2.0
65x65	65.0	60.2	62.0	11.9	2.1	1.8	14.0	8.0	10.0	2.0
85x85	85.0	80.0	85.0	16.6	2.4	2.7	19.0	8.2	10.0	2.1
105x105	105.0	96.0	100.8	17.6	2.6	2.5	20.2	9.5	12.5	2.7
125x125	127	115	117	17.0	3.0	2.7	20.0	9.7	12.0	2.8



King Kong



NẠP LỖ RĂNG NHUYỄN

TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐỘ DÀY (NẮP- ĐẾ)	KÍCH THƯỚC	ĐÓNG GÓI (cây/thùng)
Nạp lỗ 25 x 25 răng nhuyển	ET 022N	1,7 - 2	2.5F 1m7	45
Nạp lỗ 25 x 45 răng nhuyển	ET 024N	1,5 - 1,9	2.5F 1m7	30
Nạp lỗ 35 x 35 răng nhuyển	ET 033N	1,9 - 2,1	3.5F 1m7	30
Nạp lỗ 35 x 45 răng nhuyển	ET 034N	1,8 - 2,5	3.5F 1m7	20
Nạp lỗ 45 x 45 răng nhuyển	ET 044N	1,6 - 2,6	4.5F 1m7	20
Nạp lỗ 45 x 65 răng nhuyển	ET 046N	1,7 - 2	4.5F 1m7	20
Nạp lỗ 65 x 65 răng nhuyển	ET 066N	1,3 - 2	6.5F 1m7	12
Nạp lỗ 85 x 85 răng nhuyển	ET 088N	2,7 - 2,2	8.5F 1m7	12

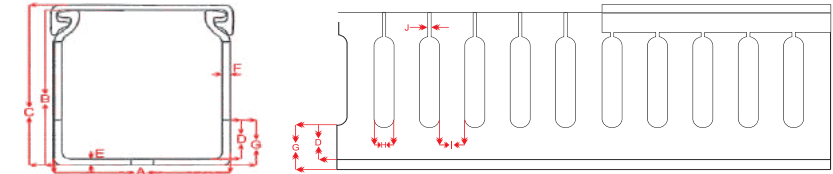
Chức năng: Dùng để đi dây điện trong hệ thống điện công nghiệp: tủ điện, tàu thuyền...



King Kong



THÔNG SỐ NẠP LỖ RĂNG NHUYỄN



Chiều dài: 1700 mm

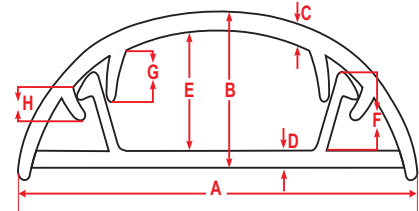
Kích thước (mm)	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J
25x25	25	23.5	25	6.5	1.7	1.3	8.2	3.6	6	1.6
25x45	25	42	43	8.5	2.0	2.0	10.5	3.6	6.1	1.6
35x35	35	32.6	34.3	8.3	2.1	1.7	9.8	3.4	6.1	1.7
35x45	35	40.2	42	8.4	2.1	1.7	10.0	3.7	6.1	1.9
45x45	45	42	43.6	7.9	2.5	2.0	10.5	4.1	6.1	2.1
45x65	45	62.0	63.8	13.6	1.9	1.9	15.5	3.9	6.1	1.7
65x65	65	62.0	63.4	13.8	1.9	1.8	15.7	4.1	6.1	1.9
85x85	85	81.3	83.5	15.6	2.5	2.4	18.1	3.8	6.1	2.0

NỆP SÀN (BẢN NGUYỆT) PVC



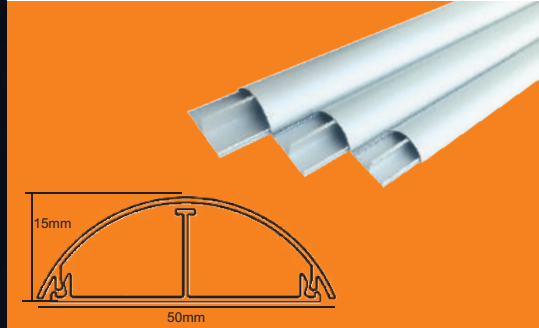
TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐỘ DÀY (NẤP - ĐẾ)	KÍCH THƯỚC (mm)	ĐÓNG GÓI (cây/bó)
Nẹp sàn B1 (1 mét)	MH 021	2 - 2	35 x 15	20
Nẹp sàn AA (1 mét)	MH 011	1,8 - 1,3	46 x 12	10
Nẹp sàn A1 (1 mét)	MH 001	2,1 - 2,1	55 x 18	10
Nẹp sàn A2 (1 mét)	MH 002	2,7 - 2,8	68 x 22	10
Nẹp sàn A3 (1 mét)	MH 003	3,1 - 3,3	100 x 26	6
Chức năng: Dùng để bảo vệ hệ thống điện, đi nổi trên sàn nhà				

THÔNG SỐ NỆP SÀN



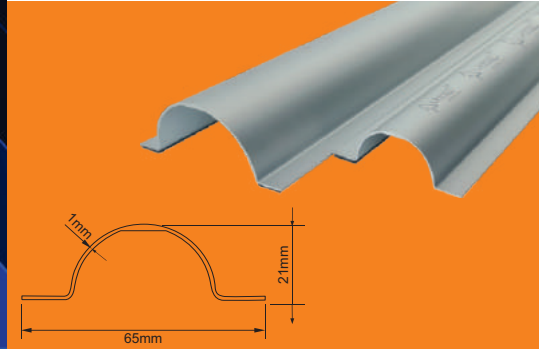
Chiều dài: 1000 mm								
Kích thước (mm)	A	B	C	D	E	F	G	H
Nẹp sàn								
B1	36.8	14.3	1.6	1.9	10.2	5.6	5.6	3.1
AA	48.3	13.2	1.6	1.2	9.6	4.5	5.3	3.1
A1	56.0	17.6	2.1	2.0	13.8	9.6	5.4	2.7
A2	62.0	22.6	2.7	2.2	16.0	7.2	7.6	4.3
A3	95.0	24.5	2.7	2.6	19.7	5.8	8.3	3.2

NỆP SÀN NHÔM



TÊN HÀNG	MÃ SP	KÍCH THƯỚC (mm)
Nẹp sàn nhôm D50 (2 mét)	MH D50	50 x 15 x 2000
Nẹp sàn nhôm D60 (2 mét)	MH D60	60 x 20 x 2000
Nẹp sàn nhôm D70 (2 mét)	MH D70	70 x 25 x 2000
Đóng gói : 5 cây/bó		
Chức năng: Dùng để luồn dây đi nổi trên sàn nhà (dây cáp mạng, dây loa, dây anten, internet...)		

NỆP MÁI VÒM



TÊN HÀNG	MÃ SP	KÍCH THƯỚC (mm)
Nẹp nhôm mái vòm G65 (2 mét)	MVN 65	65 x 21
Nẹp nhôm mái vòm G85 (2 mét)	MVN 85	85 x 32
Đóng gói : 10 cây/bó		
Chức năng: Dùng để bảo vệ hệ thống điện, đi nổi trên sàn nhà		

NỆP CHỈ PVC



TÊN HÀNG	MÃ SP	KÍCH THƯỚC (mm)	ĐÓNG GÓI (cây/thùng)
Nẹp chỉ PVC	KNC 17	40 x 20	50
Chức năng: Dùng để thay thế chỉ len thạch cao, thích hợp sử dụng áp góc trên vách, trần, len tường			



HỘP NỐI DÂY

HỘP NỐI DÂY 3X3X2 (8 x 8)



LIH 122
L (mm) 85
W (mm) 85
H (mm) 53
Đóng gói 10 cái/gói
Chức năng Chia dây, đấu nối dây điện âm hoặc nổi.

HỘP NỐI DÂY 3178X (10 x 10)



LIH 124
L (mm) 102
W (mm) 102
H (mm) 43
Đóng gói 10 cái/gói
Chức năng Chia dây, đấu nối dây điện âm hoặc nổi.

HỘP NỐI DÂY 3178H (12 x 12)



LIH 128
L (mm) 123
W (mm) 123
H (mm) 46
Đóng gói 10 cái/gói
Chức năng Chia dây, đấu nối dây điện âm hoặc nổi.

HỘP NỐI DÂY 6X6X2 (15 x 15)



LIH 129
L (mm) 151
W (mm) 151
H (mm) 52
Đóng gói 10 cái/gói
Chức năng Chia dây, đấu nối dây điện âm hoặc nổi.



King Kong



HỘP NỐI DÂY 7X7X2
(20 x 20 thấp)



LIH 131	
L (mm)	180
W (mm)	180
H (mm)	56
Đóng gói	1 cái/gói
Chức năng	Chia dây, đấu nối dây điện âm hoặc nổi.

HỘP NỐI DÂY 7X7X3
(20 x 20 cao)



LIH 130	
L (mm)	185
W (mm)	185
H (mm)	80
Đóng gói	1 cái/gói
Chức năng	Chia dây, đấu nối dây điện âm hoặc nổi.



King Kong



7x7x3 CÔNG NGHIỆP

7X7X3 CÔNG NGHIỆP



LIH 131C	
L (mm)	180
W (mm)	180
H (mm)	66,6
Đóng gói	1 cái/gói
Chức năng	Chia dây, đấu nối dây điện âm hoặc nổi.

**7X7X3 CÔNG NGHIỆP
3 Ổ IP 67**



HN 003K	
L (mm)	180
W (mm)	180
H (mm)	66,6
Đóng gói	1 cái/gói
Chức năng	Chia dây, đấu nối dây điện âm hoặc nổi.

7X7X3 CÔNG NGHIỆP 3 Ổ



HN 003	
L (mm)	180
W (mm)	180
H (mm)	66,6
Đóng gói	1 cái/gói
Chức năng	Chia dây, đấu nối dây điện âm hoặc nổi.

ĐÈN TRANG TRÍ

ĐÈN DELI (KÍN NƯỚC)



TÊN HÀNG	MÃ SP	KÍCH THƯỚC (mm)	ĐÓNG GÓI (cái/hộp)
Đèn deli gọng nhựa	GB 01	170 x 124 x 107	01
Đèn deli gọng sắt	GB 02	170 x 124 x 107	01
Chức năng: Chuyên dùng cho phòng xông hơi, tầng hầm, cầu thang,...			

ĐÈN THỜ HOA SEN



TÊN HÀNG	MÃ SP	KÍCH THƯỚC (mm)	ĐÓNG GÓI (cái/hộp)
Đèn sen nhỏ	DS 01	10 x 10 x 13	01
Đèn sen lớn	DS 02	10 x 10 x 16,5	01
Chức năng: Chuyên dùng cho những nơi thờ cúng.			

TỦ ĐIỆN PẮT SẮT

TỦ ĐIỆN NHỰA ABS CAO CẤP 200 x 200



CVM 341	
L (mm)	200
W (mm)	200
H (mm)	130
Đóng gói	1 cái/hộp
Chức năng	Bảo vệ thiết bị điện và thiết bị điều khiển dùng trong công nghiệp và dân dụng

TỦ ĐIỆN NHỰA ABS CAO CẤP 200 x 200 Cao



CVM 341K

L (mm)	200
W (mm)	200
H (mm)	160
Đóng gói	1 cái/hộp
Chức năng	Bảo vệ thiết bị điện và thiết bị điều khiển dùng trong công nghiệp và dân dụng

TỦ ĐIỆN NHỰA ABS CAO CẤP 200 x 300



CVM 342	
L (mm)	200
W (mm)	300
H (mm)	155
Đóng gói	1 cái/hộp
Chức năng	Bảo vệ thiết bị điện và thiết bị điều khiển dùng trong công nghiệp và dân dụng

TỦ ĐIỆN NHỰA ABS CAO CẤP 300 x 300



CVM 364	
L (mm)	300
W (mm)	300
H (mm)	200
Đóng gói	1 cái/hộp
Chức năng	Bảo vệ thiết bị điện và thiết bị điều khiển dùng trong công nghiệp và dân dụng

TỦ ĐIỆN PHÁT SẮT

TỦ ĐIỆN NHỰA ABS CAO CẤP 300 x 400 HT



CVM 346B	
L (mm)	300
W (mm)	400
H (mm)	200
Đóng gói	1 cái/hộp
Chức năng	Bảo vệ thiết bị điện và thiết bị điều khiển dùng trong công nghiệp và dân dụng

TỦ ĐIỆN NHỰA ABS CAO CẤP 300 x 400 LH



CVM 346	
L (mm)	300
W (mm)	400
H (mm)	200
Đóng gói	1 cái/hộp
Chức năng	Bảo vệ thiết bị điện và thiết bị điều khiển dùng trong công nghiệp và dân dụng

TỦ ĐIỆN NHỰA ABS CAO CẤP 400 x 400



CVM 366	
L (mm)	400
W (mm)	400
H (mm)	200
Đóng gói	1 cái/hộp
Chức năng	Bảo vệ thiết bị điện và thiết bị điều khiển dùng trong công nghiệp và dân dụng

TỦ ĐIỆN NHỰA ABS CAO CẤP 400 x 500



CVM 363	
L (mm)	400
W (mm)	500
H (mm)	200
Đóng gói	1 cái/hộp
Chức năng	Bảo vệ thiết bị điện và thiết bị điều khiển dùng trong công nghiệp và dân dụng

TỦ ĐIỆN PHÁT SẮT

TỦ ĐIỆN NHỰA ABS CAO CẤP 400 x 500 cao



CVM 365	
L (mm)	400
W (mm)	500
H (mm)	250
Đóng gói	1 cái/hộp
Chức năng	Bảo vệ thiết bị điện và thiết bị điều khiển dùng trong công nghiệp và dân dụng

TỦ ĐIỆN NHỰA ABS CAO CẤP 400 x 600



CVM 361	
L (mm)	400
W (mm)	600
H (mm)	200
Đóng gói	1 cái/hộp
Chức năng	Bảo vệ thiết bị điện và thiết bị điều khiển dùng trong công nghiệp và dân dụng

TỦ ĐIỆN NHỰA ABS CAO CẤP 400 x 600 kiếng



CVM 361K	
L (mm)	400
W (mm)	600
H (mm)	200
Đóng gói	1 cái/hộp
Chức năng	Bảo vệ thiết bị điện và thiết bị điều khiển dùng trong công nghiệp và dân dụng

TỦ ĐIỆN NHỰA ABS CAO CẤP 400 x 600 cao



CVM 362	
L (mm)	400
W (mm)	600
H (mm)	255
Đóng gói	1 cái/hộp
Chức năng	Bảo vệ thiết bị điện và thiết bị điều khiển dùng trong công nghiệp và dân dụng



TỦ ĐIỆN PẮT SẮT

TỦ ĐIỆN NHỰA ABS CAO CẤP 400 x 600 cao kiềg



CVM 362K	
L (mm)	400
W (mm)	600
H (mm)	255
Đóng gói	1 cái/hộp
Chức năng	Bảo vệ thiết bị điện và thiết bị điều khiển dùng trong công nghiệp và dân dụng



TỦ ĐIỆN PẮT NHỰA

TỦ ĐIỆN NHỰA ABS CAO CẤP 200 x 200



CVM 341 N	
L (mm)	200
W (mm)	200
H (mm)	130
Đóng gói	1 cái/hộp
Chức năng	Bảo vệ thiết bị điện và thiết bị điều khiển dùng trong công nghiệp và dân dụng

TỦ ĐIỆN NHỰA ABS CAO CẤP 200 x 200 CAO



CVM 341K N	
L (mm)	200
W (mm)	200
H (mm)	160
Đóng gói	1 cái/hộp
Chức năng	Bảo vệ thiết bị điện và thiết bị điều khiển dùng trong công nghiệp và dân dụng

TỦ ĐIỆN NHỰA ABS CAO CẤP 200 x 300



CVM 342 N	
L (mm)	200
W (mm)	300
H (mm)	155
Đóng gói	1 cái/hộp
Chức năng	Bảo vệ thiết bị điện và thiết bị điều khiển dùng trong công nghiệp và dân dụng

TỦ ĐIỆN NHỰA ABS CAO CẤP 300 x 300



CVM 364 N	
L (mm)	300
W (mm)	300
H (mm)	200
Đóng gói	1 cái/hộp
Chức năng	Bảo vệ thiết bị điện và thiết bị điều khiển dùng trong công nghiệp và dân dụng

TỦ ĐIỆN PÁT NHỰA

TỦ ĐIỆN NHỰA ABS CAO CẤP 300 x 400 HT



CVM 346B N

L (mm) 300

W (mm) 400

H (mm) 200

Đóng gói 1 cái/hộp

Chức năng Bảo vệ thiết bị điện và thiết bị điều khiển dùng trong công nghiệp và dân dụng

TỦ ĐIỆN NHỰA ABS CAO CẤP 300 x 400 LH



CVM 346 N

L (mm) 300

W (mm) 400

H (mm) 200

Đóng gói 1 cái/hộp

Chức năng Bảo vệ thiết bị điện và thiết bị điều khiển dùng trong công nghiệp và dân dụng

TỦ ĐIỆN NHỰA ABS CAO CẤP 400 x 400



CVM 366 N

L (mm) 400

W (mm) 400

H (mm) 200

Đóng gói 1 cái/hộp

Chức năng Bảo vệ thiết bị điện và thiết bị điều khiển dùng trong công nghiệp và dân dụng

HỘP ĐIỆN KẾ - HỘP NGUỒN CÔNG NGHIỆP

HỘP ĐIỆN KẾ CAO CẤP



TL 630

L (mm) 370

W (mm) 190

H (mm) 165

Đóng gói 1 cái/hộp

Chức năng Dùng để bảo vệ điện kế.

HỘP NGUỒN CÔNG NGHIỆP



HN 01

L (mm) 175

W (mm) 295

H (mm) 75

Đóng gói 1 cái/gói

Chức năng Dùng để chia nguồn điện, bảo vệ các thiết bị đầu nối, chống giật, chống quá tải dòng điện.

BỘ NGUỒN CÔNG NGHIỆP 4 Ổ



HN 04

L (mm) 175

W (mm) 295

H (mm) 75

Đóng gói 1 cái/gói

Chức năng Dùng để chia nguồn điện, bảo vệ các thiết bị đầu nối, chống giật, chống quá tải dòng điện.

HỘP NGUỒN CÔNG NGHIỆP 4 Ổ IP 67



HN 04K

L (mm) 175

W (mm) 295

H (mm) 75

Đóng gói 1 cái/gói

Chức năng Dùng để chia nguồn điện, bảo vệ các thiết bị đầu nối, chống giật, chống quá tải dòng điện.



King Kong



BỘ NGUỒN CÔNG NGHIỆP 5 Ổ		HN 05	
	L (mm)	175	
	W (mm)	295	
	H (mm)	75	
	Đóng gói	1 cái/gói	
	Chức năng	Dùng để chia nguồn điện, bảo vệ các thiết bị đầu nối, chống giật, chống quá tải dòng điện.	

HỘP NGUỒN CÔNG NGHIỆP 6 Ổ		HN 06	
	L (mm)	175	
	W (mm)	295	
	H (mm)	75	
	Đóng gói	1 cái/gói	
	Chức năng	Dùng để chia nguồn điện, bảo vệ các thiết bị đầu nối, chống giật, chống quá tải dòng điện.	



King Kong



HỘP KỸ THUẬT

HỘP KỸ THUẬT 190 X 150 X 115	HKT 01
	L (mm) 190
	W (mm) 150
	H (mm) 115
	Đóng gói 1 cái/hộp
	Chức năng Dùng để lắp thiết bị điện CB, ngoài trời hoặc môi trường ẩm, ăn mòn

HỘP KỸ THUẬT 225 X 155 X 125	HKT 02
	L (mm) 225
	W (mm) 155
	H (mm) 125
	Đóng gói 1 cái/hộp
	Chức năng Dùng để lắp thiết bị điện CB, ngoài trời hoặc môi trường ẩm, ăn mòn

HỘP KỸ THUẬT 295 X 195 X 150	HKT 03
	L (mm) 295
	W (mm) 195
	H (mm) 150
	Đóng gói 1 cái/hộp
	Chức năng Dùng để lắp thiết bị điện CB, ngoài trời hoặc môi trường ẩm, ăn mòn

HỘP KỸ THUẬT 295 X 295 X 153	HKT 04
	L (mm) 295
	W (mm) 295
	H (mm) 153
	Đóng gói 1 cái/hộp
	Chức năng Dùng để lắp thiết bị điện CB, ngoài trời hoặc môi trường ẩm, ăn mòn



King Kong



ĐẾ CB

CB SKY

CVM 319



L (mm)	120
W (mm)	54
H (mm)	56
Đóng gói	20 cái/thùng
Chức năng	Dùng cho CB cóc.

CB KOREA

CVM 320



L (mm)	120
W (mm)	65
H (mm)	70
Đóng gói	20 cái/thùng
Chức năng	Dùng cho MCB 2Fa

CB KOREA Z

CVM 318



L (mm)	121
W (mm)	85
H (mm)	60
Đóng gói	20 cái/thùng
Chức năng	Dùng cho CB chống giật.

CB KOREA B2B

CVM 334



L (mm)	135
W (mm)	102
H (mm)	75
Đóng gói	20 cái/thùng
Chức năng	Dùng cho CB đen 2Fa, 3Fa.



King Kong



CB KOREA MAX

CVM 333



L (mm)	137
W (mm)	97
H (mm)	73
Đóng gói	20 cái/thùng
Chức năng	Dùng cho MCB 3Fa và 4Fa.

CB KOREA MCCB

CVM 335



L (mm)	192
W (mm)	112
H (mm)	92
Đóng gói	10 cái/thùng
Chức năng	Dùng cho MCCB, CB khối trắng 2Fa và 3Fa.

ĐẾ CB 1F (gài)

ASB 111



L (mm)	130
W (mm)	45
H (mm)	70
Đóng gói	60 cái/thùng
Chức năng	Có rây sắt dùng cho MCB.

ĐẾ CB 2F (gài)

ASB 111



L (mm)	130
W (mm)	45
H (mm)	70
Đóng gói	60 cái/thùng
Chức năng	Có rây sắt dùng cho MCB.



King Kong



HỘP CB 1F (vận vít)

ASB 666



L (mm)	130
W (mm)	45
H (mm)	70
Đóng gói	60 cái/thùng
Chức năng	Có rây sắt dùng cho MCB.

HỘP CB 2F (vận vít)

ASB 666



L (mm)	130
W (mm)	45
H (mm)	70
Đóng gói	60 cái/thùng
Chức năng	Có rây sắt dùng cho MCB.

ĐẾ CB KING

CVM 322



L (mm)	100
W (mm)	42
H (mm)	40
Đóng gói	10 cái/gói
Chức năng	Dùng cho CB cóc.

ĐẾ CB QUEEN

CVM 321



L (mm)	120
W (mm)	50
H (mm)	40
Đóng gói	10 cái/gói
Chức năng	Dùng cho CB cóc.



King Kong



HỘP CB 2F NỔI

CVM 326



L (mm)	145
W (mm)	50
H (mm)	60
Đóng gói	100 cái/bao tải
Chức năng	Dùng cho CB đen (khởi).

HỘP CB 3F NỔI

CVM 327



L (mm)	160
W (mm)	87
H (mm)	80
Đóng gói	60 cái/bao tải
Chức năng	Dùng cho CB đen (khởi).

ĐẾ CB (CR₂)

CVM 323



L (mm)	128
W (mm)	65
H (mm)	70
Đóng gói	100 cái/bao tải
Chức năng	Có rây nhựa dùng cho MCB.

ĐẾ CB (CR₃)

CVM 324



L (mm)	128
W (mm)	65
H (mm)	70
Đóng gói	100 cái/bao tải
Chức năng	Có rây nhựa dùng cho MCB.

HỘP CB TITI 333 (1F)

CVM 325
L (mm) 120
W (mm) 55
H (mm) 65
Đóng gói 20 cái/thùng
Chức năng Dùng cho MCB.



HỘP CB TITI 333 (2F)

CVM 325
L (mm) 120
W (mm) 55
H (mm) 65
Đóng gói 20 cái/thùng
Chức năng Dùng cho MCB.



HỘP CB ZA BÍT

CVM 337
L (mm) 150
W (mm) 94
H (mm) 97
Đóng gói 10 cái/bao giấy
Chức năng Dùng cho CB khởi động từ.



HỘP CB ZA LỖ

CVM 336
L (mm) 150
W (mm) 94
H (mm) 97
Đóng gói 10 cái/bao giấy
Chức năng Dùng cho CB khởi động từ.



ĐẾ ÂM

ĐẾ ÂM HALI 157

ASB 624
L (mm) 104
W (mm) 63
H (mm) 38
Đóng gói 10 cái/gói
Chức năng Dùng cho các loại mặt.



ĐẾ ÂM PVC CHỐNG CHÁY

ASB 157
L (mm) 105
W (mm) 60
H (mm) 38
Đóng gói 10 cái/gói
Chức năng Âm tường, chống cháy cho các loại mặt và công tắc.



ĐẾ ÂM Z88 (2)

ASB 640B
L (mm) 121
W (mm) 101
H (mm) 31
Đóng gói 10 cái/gói
Chức năng Dùng cho 2 mặt dón Chengli, Sino, dùng để lắp nổi mặt dôi



ĐẾ ÂM HK ĐƠN

ASB 645A
L (mm) 86
W (mm) 86
H (mm) 43
Đóng gói 10 cái/gói
Chức năng Dùng cho mặt vuông.





King Kong



ĐẾ ÂM TISLY ĐÔI	ASB 626
	L (mm) 115
	W (mm) 105
	H (mm) 40
	Đóng gói 30 cái/bao giấy
	Chức năng Dùng cho các loại mặt.

ĐẾ ÂM TG 66 RÂY SẮT	ASB 629
	L (mm) 110
	W (mm) 66
	H (mm) 60
	Đóng gói 128 cái/thùng
	Chức năng Âm tường cho MCB.

NẮP TRẮNG	MĐ 01
	L (mm) 100
	W (mm) 63
	H (mm) 03
	Đóng gói 600 cái/bao giấy
	Chức năng Che đế nổi - đế âm

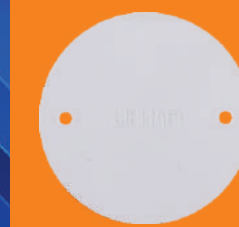
BOX TRÒN	VIC 824
	L (mm) 85
	W (mm) 85
	H (mm) 35
	Đóng gói 10 cái/gói
	Chức năng Chia, đấu dây điện



King Kong



4 LỖ VÀNG	VIC 826
	L (mm) 90
	W (mm) 90
	H (mm) 35
	Đóng gói 10 cái/gói
	Chức năng Chia, đấu dây điện

NẮP CK	MĐ 02
	Kích thước (mm) 66.4 x 2.3
	Đóng gói 100 cái/gói
	Chức năng Dùng cho ổ nối đường

ĐẾ ÂM LON	TÊN HÀNG	MÃ SP	KÍCH THƯỚC (mm)	ĐÓNG GÓI (cái/gói)	CHỨC NĂNG
	Đế âm lon Ø 60	VIC 821	77 x 50	10	Âm tường, âm trần đèn mắt ếch Ø 60, Ø 80, Ø 90
	Đế âm lon Ø 80	VIC 822	88 x 50	10	
	Đế âm lon Ø 90	VIC 823	97 x 58	10	

ĐẾ NỔI

ĐẾ NỔI CK 237 (clipsal)



ASB 633	
L (mm)	115
W (mm)	75
H (mm)	35
Đóng gói	50 cái/bao giấy
Chức năng	Dùng cho mặt Clipsal.

ĐẾ NỔI SERIAL 90



ASB 646B	
L (mm)	120
W (mm)	70
H (mm)	32
Đóng gói	50 cái/bao giấy
Chức năng	Dùng cho mặt sino, panasonic.

ĐẾ NỔI HK ĐƠN



ASB 642	
L (mm)	85
W (mm)	85
H (mm)	30
Đóng gói	10 cái/gói
Chức năng	Dùng cho mặt HK đơn.

ĐẾ NỔI HK ĐÔI



ASB 643	
L (mm)	145
W (mm)	85
H (mm)	30
Đóng gói	40 cái/bao giấy
Chức năng	Dùng cho mặt HK, Chengli.

ĐẾ NỔI CHỐNG NƯỚC



ASB 648	
L (mm)	145
W (mm)	88
H (mm)	40
Đóng gói	1 cái/hộp
Chức năng	Sử dụng cho các loại mặt





King Kong



ĐẾ SẮT

ĐẾ SẮT 157



YHK 221
L (mm) 100
W (mm) 50
H (mm) 35
Đóng gói 120 cái/thùng
Chức năng Âm tường cho các loại mặt.

ĐẾ SẮT VUÔNG B666



YHK 222
L (mm) 70
W (mm) 70
H (mm) 35
Đóng gói 100 cái/thùng
Chức năng Âm tường cho mặt vuông.

ĐẾ SẮT P663



YHK 223
L (mm) 130
W (mm) 75
H (mm) 35
Đóng gói 100 cái/thùng
Chức năng Âm tường cho mặt chữ nhật.



King Kong



ĐẾ 12 CON GIÁP



TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐÓNG GÓI (cái/gói)
Bộ đế để bàn 12 con giáp và Mèo chiêu tài	PLT01	1
Đồng xu vàng	PLT02	10
Đồng xu ngọc	PLT03	10
Đế để bàn	PLT04	1
Chức năng: dùng để trang trí bàn làm việc, cây cảnh, mang lại may mắn cho người sử dụng.		

HỘP TRÁI TIM



GC01
Đóng gói
20 cái/gói
Chức năng: Dùng đựng đồ trang sức

PHỤ KIỆN KHÁC

CHÓA ĐÈN Ø 210 THẤP	LGT 102
	Đóng gói
	25 cái/thùng
	Chức năng: tăng độ sáng, bảo vệ bóng đèn, thích hợp ngoài trời và trong nhà.

CHÓA ĐÈN Ø 310 THẤP	LGT 101
	Đóng gói
	25 cái/thùng
	Chức năng: tăng độ sáng, bảo vệ bóng đèn, thích hợp ngoài trời và trong nhà.

CHÓA NHỰA PP Ø 210 CAO	LGT 202
	Đóng gói
	25 cái/thùng
	Chức năng: tăng độ sáng, bảo vệ bóng đèn, thích hợp ngoài trời và trong nhà.

CHÓA NHỰA PP Ø 310 CAO	LGT 201
	Đóng gói
	25 cái/thùng
	Chức năng: tăng độ sáng, bảo vệ bóng đèn, thích hợp ngoài trời và trong nhà.

ĐUI ĐÈN TREO	DT 27
	Đóng gói
	25 cái/hộp
	Chức năng: E27 thích hợp ngoài trời và trong nhà.

ĐUI ĐÈN TREO KÍN NƯỚC	DX 27
	Đóng gói
	30 cái/hộp
	Chức năng: kín nước, E27 thích hợp ngoài trời và trong nhà.

ĐUI ĐÈN TREO BÔNG KÍN NƯỚC	DTB 27
	Đóng gói
	10 cái/gói
	Chức năng: kín nước, E27 thích hợp ngoài trời và trong nhà.

ĐUI ĐÈN 2 CHỨC NĂNG	DNX 27
	Đóng gói
	12 cái/hộp
	Chức năng: dễ dàng xoay chuyển hướng ánh sáng (xoay, thẳng, E27).



King Kong



ĐUI ĐÈN XOAY ĐÔI 2 IN 1

DND 27



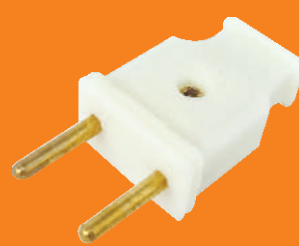
Đóng gói

6 cái/hộp

Chức năng: dễ dàng xoay chuyển hướng ánh sáng (xoay, thẳng, E27).

PHÍCH CẮM ABS

FC 710



Đóng gói

100 cái/gói

Chức năng: dẫn điện tốt, chống vỡ, chịu va đập mạnh, chịu nhiệt cao

PHÍCH CẮM NỔ

FC 711



Đóng gói

100 cái/gói

Chức năng: dẫn điện tốt, chống vỡ, chịu va đập mạnh, chịu nhiệt cao

PHÍCH CẮM ĐA NĂNG

FB 621



Đóng gói

20 cái/hộp

Chức năng: sử dụng cho tất cả các chuẩn cắm, ổ cắm điện du lịch. Có 2 màu trắng và đen.



King Kong



PHÍCH CHỐNG GIẶT

FC 730



Đóng gói

10 cái/vỉ

Chức năng: chống điện giật, bảo vệ an toàn cho trẻ em.

Ổ CẮM DÂY DỰNG 4 LỖ CẮM

FC 731



Đóng gói

1 cái/gói

Chức năng: có đèn báo an toàn tiện sử dụng cho mọi sinh hoạt trong gia đình.

Ổ CẮM DÂY DỰNG 5 LỖ CẮM

FC 732



Đóng gói

1 cái/gói

Chức năng: có đèn báo an toàn tiện sử dụng cho mọi sinh hoạt trong gia đình.

PHẠO NƯỚC TỰ ĐỘNG

PHO 1



Đóng gói

10 cái/bao giấy

Chức năng: tự động chống cạn và chống tràn cho hồ, bể nước.



King Kong



CÔNG TẮC NGANG

CT 801



Đóng gói
20 cái/hộp

Chức năng: có đèn led hiển thị nguồn, thuận tiện sử dụng cho mọi sinh hoạt trong gia đình.

TÁP LÔ ĐIỆN LỰC



TL 620

L (mm) 300
W (mm) 200
H (mm) 35
Đóng gói 20 cái/bao tải
Chức năng Lắp đặt điện kế và CB.



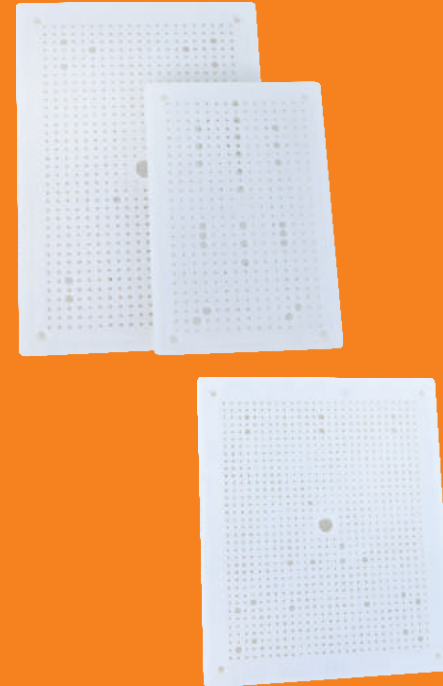
45



King Kong



TÁP LÔ DÂN DỤNG



TÊN HÀNG

MÃ SP

**ĐÓNG GÓI
(cái/gói)**

Táp lô 8 x 16	TL 8016	10
Táp lô 8 x 20	TL 8020	10
Táp lô 11 x 18	TL 1118	10
Táp lô 13 x 18	TL 1318	10
Táp lô 16 x 16	TL 1616	10
Táp lô 16 x 20	TL 1620	10
Táp lô 16 x 25	TL 1625	10
Táp lô 20 x 20	TL 2020	10
Táp lô 20 x 25	TL 2025	10
Táp lô 20 x 30	TL 2030	10
Táp lô 25 x 35	TL 2535	10
Táp lô 30 x 40	TL 3040	10

Chức năng: Lắp đặt CB, ổ cắm, cầu chì, công tắc... để điều khiển hệ thống điện dân dụng.

46

PHỤ KIỆN ỐNG

KHỚP NỐI TRƠN	TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐÓNG GÓI (cái/gói)	CHỨC NĂNG
	Khớp nối trơn Ø 16	NTS 16	100	Dùng để nối ống PVC.
	Khớp nối trơn Ø 20	NTS 20	100	
	Khớp nối trơn Ø 25	NTS 25	50	
	Khớp nối trơn Ø 32	NTS 32	50	
	Khớp nối trơn Ø 40	NTS 40	20	

KHỚP BIẾN	TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐÓNG GÓI (cái/gói)	CHỨC NĂNG
	Khớp biến Ø 20 ra Ø 16	BT 2016	100	Giảm từ ống PVC Ø 20 ra Ø 16
	Khớp biến Ø 25 ra Ø 20	BT 2520	100	Giảm từ ống PVC Ø 25 ra Ø 20
	Khớp biến Ø 32 ra Ø 25	BT 3225	50	Giảm từ ống PVC Ø 32 ra Ø 25

KHỚP NỐI RĂNG



KHỚP NỐI RĂNG	TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐÓNG GÓI (cái/gói)	CHỨC NĂNG
	Khớp nối răng Ø 16	NRS 16	100	Nối ống PVC vào hộp điện.
	Khớp nối răng Ø 20	NRS 20	100	
	Khớp nối răng Ø 25	NRS 25	50	
	Khớp nối răng Ø 32	NRS 32	50	

CO L CÓ NẮP & CO L THƯỜNG


TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐÓNG GÓI (cái/gói)	CHỨC NĂNG
Co có nắp Ø 16	LAB 16	50	Tạo góc vuông 90° cho ống PVC.
Co có nắp Ø 20	LAB 20	50	
Co có nắp Ø 25	LAB 25	25	
Co có nắp Ø 32	LAB 32	20	
Co L Ø 16 thường	LAT 16	50	
Co L Ø 20 thường	LAT 20	50	
Co L Ø 25 thường	LAT 25	50	
Co L Ø 32 thường	LAT 32	25	
Co L Ø 40 thường	LAT 40	20	

CO T CÓ NẮP & CO T THƯỜNG


TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐÓNG GÓI (cái/gói)	CHỨC NĂNG
T có nắp Ø 16	TAB 16	50	Chia ống PVC ra 2 ngã thẳng
T có nắp Ø 20	TAB 20	25	
T có nắp Ø 25	TAB 25	20	
T có nắp Ø 32	TAB 32	10	
Co T Ø 16 thường	TAT 16	50	
Co T Ø 20 thường	TAT 20	50	
Co T Ø 25 thường	TAT 25	50	
Co T Ø 32 thường	TAT 32	25	
Co T Ø 40 thường	TAT 40	10	



King Kong



KẸP ĐỠ ỐNG	TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐÓNG GÓI (cái/gói)	CHỨC NĂNG
	Kẹp đỡ ống Ø 16	KS 016	100	Kẹp giữ ống PVC theo kết cấu công trình
	Kẹp đỡ ống Ø 20	KS 020	100	
	Kẹp đỡ ống Ø 25	KS 025	100	
	Kẹp đỡ ống Ø 32	KS 032	100	
	Kẹp đỡ ống Ø 40	KS 040	25	

Ổ NỐI ĐƯỜNG	TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐÓNG GÓI (cái/gói)	CHỨC NĂNG
	Ổ nối 1 đường Ø 16	LV 7116	10	Phụ kiện cho ống PVC (1Đ16, 1Đ20, 1Đ25)
	Ổ nối 1 đường Ø 20	LV 7120	10	
	Ổ nối 1 đường Ø 25	LV 7125	10	
	Ổ nối 2 đường thẳng Ø 16	LV 7216T	10	Phụ kiện cho ống PVC (2T16, 2T20, 2T25)
	Ổ nối 2 đường thẳng Ø 20	LV 7220T	10	
	Ổ nối 2 đường thẳng Ø 25	LV 7225T	10	



King Kong



Ổ NỐI ĐƯỜNG	TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐÓNG GÓI (cái/gói)	CHỨC NĂNG
	Ổ nối 2 đường vuông Ø 16	LV 7216N	10	Phụ kiện cho ống PVC (2V16, 2V20, 2V25)
	Ổ nối 2 đường vuông Ø 20	LV 7220N	10	
	Ổ nối 2 đường vuông Ø 25	LV 7225N	10	
	Ổ nối 3 đường Ø 16	LV 7316	10	Phụ kiện cho ống PVC (3Đ16, 3Đ20, 3Đ25)
	Ổ nối 3 đường Ø 20	LV 7320	10	
	Ổ nối 3 đường Ø 25	LV 7325	10	
	Ổ nối 4 đường Ø 16	LV 7416	10	Phụ kiện cho ống PVC (4Đ16, 4Đ20, 4Đ25)
	Ổ nối 4 đường Ø 20	LV 7420	10	
	Ổ nối 4 đường Ø 25	LV 7425	10	

Ổ NỐI RUỘT GÀ	TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐÓNG GÓI (cái/gói)	CHỨC NĂNG
	Ổ nối ruột gà với ruột gà Ø 16	NRG 16	20	Nối ruột gà với ruột gà Ø 16, Ø 20, Ø 25
	Ổ nối ruột gà với ruột gà Ø 20	NRG 20	20	
	Ổ nối ruột gà với ruột gà Ø 25	NRG 25	20	
	Ổ nối ruột gà với ống PVC Ø 16	NGO 16	20	Nối ống PVC với ruột gà Ø 16, Ø 20, Ø 25
	Ổ nối ruột gà với ống PVC Ø 20	NGO 20	20	
	Ổ nối ruột gà với ống PVC Ø 25	NGO 25	20	

Ổ & PHÍCH CÔNG NGHIỆP

PHÍCH CẮM CÔNG NGHIỆP	TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐÓNG GÓI (cái/hộp)	CHỨC NĂNG
	Phích cắm công nghiệp 3F 16A	P 316	10	Dùng cho các thiết bị có công suất lên đến 16A, 32A.
	Phích cắm công nghiệp 3F 32A	P 332	10	
	Phích cắm công nghiệp 4F 16A	P 416	10	
	Phích cắm công nghiệp 4F 32A	P 432	10	
	Phích cắm công nghiệp 5F 16A	P 516	10	
	Phích cắm công nghiệp 5F 32A	P 532	10	



King Kong



Ổ DI ĐỘNG	TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐÓNG GÓI (cái/hộp)	CHỨC NĂNG
	Ổ di động 3F 16A	DD 316	10	Dùng cho các thiết bị có công suất lên đến 16A, 32A.
	Ổ di động 3F 32A	DD 332	10	
	Ổ di động 4F 16A	DD 416	10	
	Ổ di động 4F 32A	DD 432	10	
	Ổ di động 5F 16A	DD 516	10	
	Ổ di động 5F 32A	DD 532	10	



King Kong



Ổ CỐ ĐỊNH	TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐÓNG GÓI (cái/hộp)	CHỨC NĂNG
	Ổ cố định 3F 16A	CD 316	10	Dùng cho các thiết bị có công suất lên đến 16A, 32A.
	Ổ cố định 3F 32A	CD 332	10	
	Ổ cố định 4F 16A	CD 416	10	
	Ổ cố định 4F 32A	CD 432	10	
	Ổ cố định 5F 16A	CD 516	10	
	Ổ cố định 5F 32A	CD 532	10	



King Kong

LIHHA
ISO 9001:2015



Ổ ÂM CÔNG NGHIỆP



TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐÓNG GÓI (cái/hộp)
Ổ âm công nghiệp 3F 16A	AM 316	20
Ổ âm công nghiệp 3F 32A	AM 332	10
Ổ âm công nghiệp 4F 16A	AM 416	20
Ổ âm công nghiệp 4F 32A	AM 432	10

Chức năng: Dùng để âm tường, âm sàn, âm trên tủ điện công nghiệp.

PHÍCH ĐUI VẶN IP44



TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐÓNG GÓI (cái/hộp)
Phích đui vặn IP44 3F 16A	PCN 316	10
Phích đui vặn IP44 3F 32A	PCN 332	10
Phích đui vặn IP44 4F 16A	PCN 416	10
Phích đui vặn IP44 4F 32A	PCN 432	10

Chức năng: Dùng cho các thiết bị có công suất lên đến 16A, đồng thời có thêm chức năng chống bụi

57



King Kong

LIHHA
ISO 9001:2015



Ổ ĐUI VẶN IP44



TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐÓNG GÓI (cái/hộp)
Ổ đui vặn IP44 3F 16A	DCN 316	10
Ổ đui vặn IP44 3F 32A	DCN 332	10
Ổ đui vặn IP44 4F 16A	DCN 416	10
Ổ đui vặn IP44 4F 32A	DCN 432	10

Chức năng: Dùng cho các thiết bị có công suất lên đến 16A, đồng thời có thêm chức năng chống bụi

PHÍCH KÍN NƯỚC IP67



TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐÓNG GÓI (cái/hộp)
Phích kín nước IP 67 3F 16A	PKN 316	10
Phích kín nước IP 67 3F 32A	PKN 332	10
Phích kín nước IP 67 4F 16A	PKN 416	10
Phích kín nước IP 67 4F 32A	PKN 432	10
Phích kín nước IP 67 5F 16A	PKN 516	10
Phích kín nước IP 67 5F 32A	PKN 532	10

Chức năng: Dùng cho các thiết bị có công suất lên đến 16A, kín nước, an toàn khi sử dụng ngoài trời

58



King Kong



Ổ DĐ KÍN NƯỚC IP67	TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐÓNG GÓI (cái/hộp)
	Ổ DĐ kín nước IP 67 3F 16A	DKN 316	10
	Ổ DĐ kín nước IP 67 3F 32A	DKN 332	10
	Ổ DĐ kín nước IP 67 4F 16A	DKN 416	10
	Ổ DĐ kín nước IP 67 4F 32A	DKN 432	10
	Ổ DĐ kín nước IP 67 5F 16A	DKN 516	10
	Ổ DĐ kín nước IP 67 5F 32A	DKN 532	10
Chức năng: Dùng cho các thiết bị có công suất lên đến 16A, kín nước, an toàn khi sử dụng ngoài trời			

Ổ CĐ KÍN NƯỚC IP67 3F 16A	OKN 316
	Đóng gói 10 cái/hộp
	Chức năng
	Dùng cho các thiết bị có công suất lên đến 16A, kín nước, an toàn khi sử dụng ngoài trời.

Ổ ÂM KÍN NƯỚC IP67 3F 16A	CDK 316
	Đóng gói 10 cái/hộp
	Chức năng
	Dùng để âm tường, âm sàn, kín nước, an toàn khi sử dụng ngoài trời.



King Kong



CHIA 2	CH 02	CHIA 3 (3F 16A)	CH 03
	Đóng gói 5 cái/hộp		Đóng gói 5 cái/hộp
	Chức năng		Chức năng
	Chia ổ làm 2 ngã.		Chia ổ làm 3 ngã.
CHIA 3 (4F 16A)	CH 34F	CHIA 3 IP67 (3F 16A)	PC 316
	Đóng gói 5 cái/hộp		Đóng gói 4 cái/hộp
	Chức năng		Chức năng
	Chia ổ làm 3 ngã.		Chia ổ làm 3 ngã, kín nước, an toàn khi sử dụng ngoài trời.



King Kong



TỦ CÔNG NGHIỆP (SẮT VÀNG)

VỎ HỘP TỦ



VHT

Đóng gói 1 cái/bọc

Chức năng

Dùng để bảo vệ các thiết bị đấu nối, chống giật, chống rò, chống quá tải nguồn điện...

TỦ CN 4 Ổ 3F 16A

TCN 316



Đóng gói 1 cái/bọc

Chức năng

Dùng để bảo vệ các thiết bị đấu nối, chống giật, chống rò, chống quá tải nguồn điện...

TỦ CN 4 Ổ 3F 32A

TCN 332



Đóng gói 1 cái/bọc

Chức năng

Dùng để bảo vệ các thiết bị đấu nối, chống giật, chống rò, chống quá tải nguồn điện...



King Kong



TỦ CN 4 Ổ 4F 16A

TCN 416



Đóng gói 1 cái/bọc

Chức năng

Dùng để bảo vệ các thiết bị đấu nối, chống giật, chống rò, chống quá tải nguồn điện...

TỦ CN 4 Ổ 4F 32A

TCN 432



Đóng gói 1 cái/bọc

Chức năng

Dùng để bảo vệ các thiết bị đấu nối, chống giật, chống rò, chống quá tải nguồn điện...

TỦ CN 3 Ổ 3F 16A + 1 Ổ 3F 32A

TCNHH



Đóng gói 1 cái/bọc

Chức năng

Dùng để bảo vệ các thiết bị đấu nối, chống giật, chống rò, chống quá tải nguồn điện...

TỦ CN KN 3F 16A

TKN 316



Đóng gói 1 cái/bọc

Chức năng

Dùng để bảo vệ các thiết bị đấu nối, chống giật, chống rò, chống quá tải nguồn điện...

DÂY RÚT - Lò xo - Dây mồi

DÂY RÚT	TÊN HÀNG	MÃ SP	ĐÓNG GÓI (sợi/gói)	CHỨC NĂNG
	Dây rút 3 x 100	R310	88-90	Cố định dây điện, đóng gói hàng hóa, niêm phong.
	Dây rút 4 x 150	R415	88-90	
	Dây rút 4 x 200	R420	88-90	
	Dây rút 8 x 200	R820	88-90	
	Dây rút 5 x 250	R525	88-90	
	Dây rút 8 x 250	R825	88-90	
	Dây rút 5 x 300	R530	88-90	
	Dây rút 8 x 300	R830	88-90	
	Dây rút 8 x 350	R835	88-90	
	Dây rút 8 x 400	R840	88-90	
	Dây rút 10 x 500	R105	88-90	
	Dây rút 10 x 600	R106	88-90	

LÒ XO



Chức năng: dùng để uốn cong ống PVC.

TÊN HÀNG

LÒ XO Ø 16

LÒ XO Ø 20

LÒ XO Ø 25

LÒ XO Ø 32

Đóng gói 10 cây/bó

MÃ SP

LX 16

LX 20

LX 25

LX 32

DÂY MỒI



TÊN HÀNG

Dây mồi Ø 4mm (5 mét)

Dây mồi Ø 4mm (10 mét)

Dây mồi Ø 4mm (15 mét)

Dây mồi Ø 4mm (20 mét)

Dây mồi Ø 5mm (25 mét)

Dây mồi Ø 6mm (30 mét)

MÃ SP

DMS 05

DMS 10

DMS 15

DMS 20

DMS 25

DMS 30

ĐÓNG GÓI (sợi/gói)

1

1

1

1

1

1

CHỨC NĂNG

Dùng để
luồn dây điện

ỐC SIẾT CÁP NHỰA



TÊN HÀNG

MÃ SP

**ĐÓNG GÓI
(cái/gói)**

CHỨC NĂNG

Ốc siết cáp nhựa 7	PG 7	100
Ốc siết cáp nhựa 9	PG 9	100
Ốc siết cáp nhựa 11	PG 11	100
Ốc siết cáp nhựa 13.5	PG 13.5	100
Ốc siết cáp nhựa 16	PG 16	100
Ốc siết cáp nhựa 19	PG 19	100
Ốc siết cáp nhựa 21	PG 21	50
Ốc siết cáp nhựa 25	PG 25	50
Ốc siết cáp nhựa 29	PG 29	30
Ốc siết cáp nhựa 36	PG 36	20
Ốc siết cáp nhựa 42	PG 42	20
Ốc siết cáp nhựa 48	PG 48	10
Ốc siết cáp nhựa 63	PG 63	05

Giúp cố định
và đảm bảo
an toàn
trong quá trình
hoạt động
giữa sợi cáp
và thiết bị
thông qua.

BĂNG KEO



TÊN HÀNG

MÃ SP

**ĐÓNG GÓI
(cuộn/cây)**

Băng keo điện 20Y	BKE	10
Băng keo trong 5P	BKT	06
Băng keo đục 5P	BKD	06
Băng keo xốp đen 1P2	BKX 01	24
Băng keo xốp đen 2P4	BKX 02	10
Băng keo xốp đen 4P7	BKX 04	06

Chức năng: Dùng để bọc các đường dây điện khi có sự cố, ngăn chặn rò rỉ nguồn điện, đảm bảo an toàn cho người sử dụng



King Kong



King Kong



ĐẦU CẮT BĂNG KEO



Đầu cắt băng keo	CBK 01
Đóng gói	1 cái/gói
Chức năng	
Dùng để cắt băng dính	

THANH RÂY NHÔM



Thanh rây nhôm	RN 01
Đóng gói	100 cây/thùng
Kích thước (mm)	35 x 1
Chức năng	
Thanh rây giữ CB	

CB CÚC CHANG 10A, 15A, 20A, 30A



CB CÚC CHANG 10A, 15A, 20A, 30A	CC 5S
Đóng gói	1 cái/hộp
Chức năng	
Bảo vệ quá tải và ngắn mạch	

CB CHỐNG GIẬT 32A, 40A, 50A, 63A



CB CHỐNG GIẬT 32A, 40A, 50A, 63A	CG 5S
Đóng gói	1 cái/hộp
Chức năng	
Bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò điện	

DÂY RÀNG



DKK 618

DKK 616



DKK 40

DKK 25DB

DKK 20B



DKK 20

DKK 25

DKK 15

TÊN HÀNG	MÃ SP	KÍCH THƯỚC (mm)	ĐÓNG GÓI (sợi/bó)
Dây ràng 1.5 x 150 cm	DKK 15	15 x 1500	10
Dây ràng 2 x 160 cm	DKK 20	20 x 1600	10
Dây ràng 2 x 170 cm	DKK 20B	20 x 1700	10
Dây ràng 2.5 x 160 cm	DKK 25	25 x 1600	10
Dây ràng 2.5 x 170 cm	DKK 25DB	25 x 1700	10
Dây ràng 4 x 210 cm	DKK 40	40 x 2100	10
Dây ràng 6 x 160 cm	DKK 616	60 x 1600	10
Dây ràng 6 x 180 cm	DKK 618	60 x 1800	10
Chức năng: Dùng để chằng buộc hàng hóa một cách chắc chắn và dẻo dai			



King Kong



BÚT THỬ ĐIỆN PHILIPS



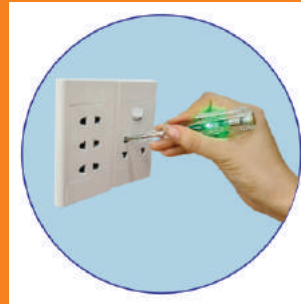
BTP

Đóng gói 1 cái/ bọc

Chức năng

Dùng để thử điện đo thông mạch, kiểm tra dây dẫn có điện hay không

BÚT THỬ ĐIỆN 869



BT 869

Đóng gói 1 cái/ bọc

Chức năng

Dùng để thử điện đo thông mạch, kiểm tra dây dẫn có điện hay không

GIẤY KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

QUATEST 3 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-20) 3829 4274 Fax: (84-20) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn
Branch: No. 7, road No. 1, Binh Hoa 1 St, Dong Nai, Vietnam Tel: (84-21) 383 4213 Fax: (84-21) 383 4213 E-mail: chuc@quatest3.com.vn
Branch: CT Sa, KT road, Cu Lai St, Dist. 2, HCMC, Vietnam Tel: (84-20) 3742 3140 Fax: (84-20) 3829 3012 E-mail: chuc@quatest3.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

KT3-1526AD10/2/R 23/09/2020
Trang 01/02

Phiếu kết quả 1526AD10/2/R thay thế phiếu kết quả số KT3-1526AD10/2 ra ngày 19/08/2020 theo yêu cầu của khách hàng

1. Tên mẫu : ÔNG GEN HD/PE CÁCH ĐIỆN RUỘT GÀ Ø 20 mm

2. Số lượng mẫu : 01 (1 cuộn)

3. Mô tả mẫu : Phụ kiện điện, Ø 20 mm . Hiệu: LIHHA®

4. Ngày nhận mẫu : 24/07/2020

5. Thời gian thử nghiệm : 05/08/2020 – 18/08/2020

6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SX - DỊCH VỤ HÒA THỊNH
44 Đường 1A, Bình Trị Đông B, Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

7. Phương pháp thử : BS EN 61386-21 : 2004 + A11 : 2010
Conduit systems for cable management
Part 21: Particular requirements - Rigid conduit systems

8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02/02

P. TRƯỞNG PTN ĐIỆN
Nguyễn Mùng

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Nguyễn Tấn Tùng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
The results are valid for the sample submitted (sample only), and they do not a certificate of product.
2. Không được xuất bản một phần hoặc bản sao của báo cáo thử nghiệm này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nội dung mẫu / Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các thông tin khác liên quan đến việc thử nghiệm được ghi kèm theo kết quả thử nghiệm / Other information related to the test is written as customer's request.

QUATEST 3 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-20) 3829 4274 Fax: (84-20) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn
Branch: No. 7, road No. 1, Binh Hoa 1 St, Dong Nai, Vietnam Tel: (84-21) 383 4213 Fax: (84-21) 383 4213 E-mail: chuc@quatest3.com.vn
Branch: CT Sa, KT road, Cu Lai St, Dist. 2, HCMC, Vietnam Tel: (84-20) 3742 3140 Fax: (84-20) 3829 3012 E-mail: chuc@quatest3.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

KT3-1526AD10/2 23/09/2020
Trang 02/02

BS EN 61386-21 : 2004 + A11 : 2010

Điều	Yêu cầu - Thử nghiệm	Kết quả - Ghi chú	Nhận xét
8	Kích thước	mm	-
	• Đường kính ngoài	19,8	
	• Đường kính trong	15,0	
	• Chiều dày	1,0	
10.2	Thử nén với lực	Loại nhẹ (320 N)	Đạt
	• Độ biến dạng khi nén,	%	Đạt
	• Độ biến dạng sau khi nén,	%	Đạt
	• Tình trạng mẫu sau khi thử	Mẫu không bị nứt	Đạt
10.3	Thử va đập		Đạt
	• Điều kiện thử nghiệm	(Nhiệt độ thử - 5 °C; vật va đập có khối lượng 1 kg rơi từ độ cao 100 mm)	-
	• Tình trạng mẫu sau khi thử	Mẫu không bị nứt	Đạt
	• Kiểm tra kích thước bằng cơ thử	Cơ xuyên qua mẫu thử	Đạt
10.4	Thử bề cong		Đạt
	• Điều kiện thử nghiệm	Nhiệt độ thấp (-5 °C)	-
	• Tình trạng mẫu sau khi thử	Mẫu không hư hỏng	Đạt
11.3	Độ bền điện và điện trở cách điện		Đạt
	• Thử chịu điện áp 2000 V trong 15 min	Chịu được	Đạt
	• Điện trở cách điện ở (23 ± 2) °C, MQ	>1 000	Đạt

Ghi chú:
Đạt : Kết quả thử thỏa mãn yêu cầu.
Không đạt : Kết quả thử không thỏa mãn yêu cầu.
N/A : Không áp dụng cho mẫu thử.
(-) : Thông tin bổ sung, không yêu cầu nhận xét.

Nội dung	Ban đầu	Thay đổi
Tên mẫu	Ông gen HD/PE cách điện ruột gà Ø 16 mm	Ông gen HD/PE cách điện ruột gà Ø 20 mm

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
The results are valid for the sample submitted (sample only), and they do not a certificate of product.
2. Không được xuất bản một phần hoặc bản sao của báo cáo thử nghiệm này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nội dung mẫu / Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các thông tin khác liên quan đến việc thử nghiệm được ghi kèm theo kết quả thử nghiệm / Other information related to the test is written as customer's request.

QUATEST 3 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

KT3-0456ADI9/6 06/03/2019
Trang 01/02

1. Tên mẫu : **ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN Ø20 mm HIỆU LIHHAN**

2. Số lượng mẫu : **01 (3 ống x 1,5 m)**

3. Mô tả mẫu : **Ống luồn dây điện PVC Ø20 mm x 2900 mm, Hiệu: LIHHAN.**

4. Ngày nhận mẫu : **25/02/2019**

5. Thời gian thử nghiệm : **26/02/2019 - 06/03/2019**

6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SX - DỊCH VỤ HOÀ THỊNH
44 Đường 1A, Bình Trị Đông B, Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh**

7. Phương pháp thử : **BS EN 61386-21 : 2004 + A11 : 2010
Conduit systems for cable management
Part 21: Particular requirements - Rigid conduit systems**

8. Kết quả thử nghiệm : **Xem trang 02/02**

P. TRƯỞNG PTN ĐIỆN **TL. GIÁM ĐỐC**
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Mừng **Nguyễn Tân Tùng**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the sample submitted sample(s) only.
2. Không được trình bày kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
3. Mọi quyền được bảo lưu. / All rights reserved.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nội gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written on customer's request.
5. Đồ không được làm do sai sót của Trung tâm Kỹ thuật 3. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Đồ không được làm do sai sót của Trung tâm Kỹ thuật 3. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expected accuracy of measurement with 1 - 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 for the follow address for further information.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

KT3-0456ADI9/6 06/03/2019
Trang 02/02

BS EN 61386-21 : 2004 + A11 : 2010

Điều	Yêu cầu - Thử nghiệm	Kết quả - Ghi chú	Nhận xét
8	Kích thước, mm		
	• Đường kính ngoài	20,0	
	• Đường kính trong	16,8	
	• Chiều dày	1,5	
10.2	Thử nén với lực	Loại nhẹ (320 N)	Đạt
	• Độ biến dạng khi nén, %	2,8	Đạt
	• Độ biến dạng sau khi nén, %	0,6	Đạt
10.3	Thử va đập		Đạt
	• Điều kiện thử nghiệm	(Nhiệt độ thử - 5 °C; vật va đập có khối lượng 1 kg rơi từ độ cao 100 mm)	
	• Tình trạng mẫu sau khi thử	Mẫu không bị nứt	Đạt
10.4	Thử bẻ cong	Mẫu không hư hỏng	Đạt
10.6	Thử bẻ gấp	Mẫu không hư hỏng	Đạt
11.3	Độ bền điện và điện trở cách điện		Đạt
	• Thử chịu điện áp 2000 V trong 15 min	Chịu được	Đạt
	• Điện trở cách điện ở (23 ± 2) °C, MΩ	> 1 000	Đạt
12	Khả năng chịu nhiệt		Đạt
	• Điều kiện thử nghiệm	Thử nén 1 kg ở (60 ± 2) °C trong 24 h	
	• Tình trạng mẫu sau khi thử	Mẫu không hư hỏng	Đạt
13	Khả năng chịu cháy	Mẫu tự tắt trong vòng 30 s	Đạt

Ghi chú:
Đạt : Kết quả thử thỏa mãn yêu cầu.
Không đạt : Kết quả thử không thỏa mãn yêu cầu.
N/A : Không áp dụng cho mẫu thử.
(-) : Thông tin bổ sung, không yêu cầu nhận xét.

QUATEST 3 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

KT3-0762ADI0 27/04/2020
Trang 01/02

1. Tên mẫu : **TỦ NHỰA BẢNG VẬT LIỆU ABS 200x300 mm LIHHAN**

2. Số lượng mẫu : **01**

3. Mô tả mẫu : **Tủ điện bằng vật liệu cách điện, không có lắp thiết bị bên trong.
Kích thước ngoài (200x150x300) mm. Ký hiệu: LIHHAN.**

4. Ngày nhận mẫu : **20/04/2020**

5. Thời gian thử nghiệm : **21/04/2020 - 27/04/2020**

6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT DỊCH VỤ HOÀ THỊNH
44 Đường số 1A, Bình Trị Đông B, Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh**

7. Kết quả thử nghiệm : **Xem trang 02/02**

P. TRƯỞNG PTN ĐIỆN **TL. GIÁM ĐỐC**
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Mừng **Nguyễn Tân Tùng**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the sample submitted sample(s) only.
2. Không được trình bày kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
3. Mọi quyền được bảo lưu. / All rights reserved.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nội gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written on customer's request.
5. Đồ không được làm do sai sót của Trung tâm Kỹ thuật 3. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Đồ không được làm do sai sót của Trung tâm Kỹ thuật 3. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expected accuracy of measurement with 1 - 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 for the follow address for further information.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

KT3-0762ADI0 27/04/2020
Trang 02/02

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
7.1. Kiểm tra khả năng chịu độ nóng ẩm ⁽¹⁾	IEC 60068-2-30 : 2005 IEC 60439-5 : 2006	Mẫu không hư hỏng
7.2. Kiểm tra chịu lực và đập (Thủ và đập bằng bi thép với năng lượng va đập 20 J) • Nhiệt độ môi trường (10 - 40) °C • Kiểm tra IP 34D		Đạt - Que thử có đường kính 2,5 mm không xâm nhập vào bên trong - Nước không vào Mẫu không hư hỏng
• Kiểm tra hoạt động của cửa và khóa • Kiểm tra vỏ hộp bằng vật liệu cách điện • Nhiệt độ môi trường -25 °C		Mẫu không hư hỏng
7.3. Kiểm tra cấp chống cháy	IEC 60439-5 : 2006	Trung tâm Kỹ thuật 3 chưa có thiết bị thử Đạt (HB40)

Ghi chú:
⁽¹⁾ Thử ở 6 chu kỳ, mỗi chu kỳ 24 h (Theo yêu cầu khách hàng). Trong đó :
• 16 h đầu ở 55 °C; RH 95 %
• 8 h cuối ở 30 °C; RH 95 %

QUATEST 3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KT3-1235AD19/4 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 24/04/2019
Trang 01/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu : NẸP LUỒN DÂY ĐIỆN PVC HIỆU LIHHA[] 40 x 20 mm

2. Số lượng mẫu : 01 (5 x 2.0 m)

3. Mô tả mẫu : Nẹp luồn dây điện PVC (40 x 20) mm, hiệu LIHHA[]

4. Ngày nhận mẫu : 10/04/2019

5. Thời gian thử nghiệm : 19/04/2019 - 23/04/2019

6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SX - DỊCH VỤ HÒA THỊNH
44 Đường 1A, Bình Trị Đông B, Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

7. Phương pháp thử : IEC 61084-2-1 : 1996
Cable trunking and ducting systems for electrical installations –
Part 2-1: Particular requirements – Cable trunking and ducting systems
intended for mounting on walls or ceilings

8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02/02

P. TRƯỞNG PIN ĐIỆN TL. GIÁM ĐỐC:
TRƯỜNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Mừng Nguyễn Tấn Tùng

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

KT3-1235AD19/4 24/04/2019
Trang 02/02

IEC 61084-2-1 : 1996

Điều	Yêu cầu - Thử nghiệm	Kết quả - Ghi chú	Nhận xét
8	Kích thước ngoài, mm • Chiều dày • Chiều rộng Kích thước trong, mm • Chiều dày • Chiều rộng	22,0 39,8 19,9 37,4	
10.2	Thử giữ cáp • Thử giữ cáp theo hướng thẳng đứng ➢ Độ biến dạng sau 2 h, mm ➢ Độ biến dạng so với chiều cao của mẫu, % ➢ Tình trạng mẫu sau khi thử • Thử giữ cáp theo hướng nằm ngang ➢ Độ biến dạng sau 2 h, mm ➢ Độ biến dạng so với chiều ngang của mẫu, % ➢ Tình trạng mẫu sau khi thử	0,2 1,0 Mẫu không hư hỏng 0,6 1,5 Mẫu không hư hỏng	Đạt Đạt Đạt Đạt Đạt Đạt
10.3	Thử va đập (Nhiệt độ thử - 5 °C; vật va đập có khối lượng 1 kg rơi từ độ cao 100 mm)	Mẫu không bị nứt	Đạt
10.6	Thử giữ nắp	Nắp không tháo ra được	Đạt
11	Thử cháy lan	Mẫu tắt ngay sau khi tách khỏi nguồn đốt	Đạt
12.3	Độ bền điện và điện trở cách điện • Thử chịu điện áp 2500 V trong 1 min • Điện trở cách điện ở (20 - 30) °C trong 48 h, MΩ	Chịu được > 1000	Đạt Đạt Đạt

Ghi chú :
Đạt : Kết quả thử thỏa mãn yêu cầu.
Không đạt : Kết quả thử không thỏa mãn yêu cầu.
(-) : Thông tin bổ sung, không yêu cầu nhận xét.

